

Bản án số: 15/2017/HS-ST
Ngày 22 – 9 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Trần Thị Lệ.

Ông: Đàm Thanh Vũ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tòng, kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 31/2017/HSST ngày 06 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Hoàng K, sinh năm 1971, tại Ngã Năm, Sóc Trăng; trú tại ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá lớp 04/12; cha Trần Minh H, mẹ Đỗ Kim T; có vợ và 03 con; tiền sự, tiền án không; bị khởi tố ngày 15/6/2017 và áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” cho đến nay. Bị cáo K có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Danh Thanh U, sinh năm 1982 (*Có mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 07 giờ ngày 19/3/2017, Trần Hoàng K sinh năm 1971; ông Lê Văn G, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987, cùng cư trú ấp N, xã B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đến nhà ông Danh Thanh U, sinh năm 1982, trú tại ấp V, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng để lấy tiền bán lúa.

Khi đến nhà ông U thì ông G, ông Đ và K ngồi cùng bàn với ông U tại hàng ba nhà sau của ông U, sau khi ông U trả tiền lúa cho ông G thì ông U tính tiền trả cho K, tổng số tiền lúa mà ông U phải trả cho K là 17.120.000 đồng; lúc này ông U

lấy xấp tiền 40.000.000 đồng lên đếm ra 17.000.000 đồng cầm trên tay, còn lại 23.000.000 đồng để trên bàn đang ngồi tính tiền, sau khi đếm xong tiền ông U có điện thoại gọi đến, ông U vừa nghe điện thoại thì ông U thấy K đưa tay qua lấy xấp tiền 23.000.000 đồng đang để trên bàn; khi đó, ông U vừa nói chuyện điện thoại mà nói “*Không phải, không phải*”, nghe ông U nói vậy K không lấy xấp tiền đó nữa. Ông U tiếp tục nói chuyện điện thoại và lấy thêm số tiền 120.000 đồng nữa bỏ vào số tiền 17.000.000 đồng là đủ 17.120.000 đồng và để trên bàn trả cho K, để gần với xấp tiền 23.000.000 đồng, ông U vẫn nói chuyện điện thoại không để ý quan sát đến xấp tiền 23.000.000 đồng đang để trên bàn. K lấy số tiền 17.120.000 đồng mà ông U đưa đem ra đếm, khi đếm xong thì K lấy số tiền 17.120.000 đồng để lên trên xấp tiền 23.000.000 đồng của ông U đã để trên bàn, sau đó K lấy toàn bộ số tiền trên bỏ vào túi quần dài đang mặc và đi về nhà.

Sau khi về đến nhà, K lấy xấp tiền ra đếm, khi đếm xong thì K lấy số tiền 17.120.000 đồng là số tiền bán lúa đem cất một bên của ngăn tủ trong nhà, còn lại xấp tiền 23.000.000 đồng (*Thời điểm này K không có đếm xấp tiền còn lại nên không biết số tiền là bao nhiêu, chỉ biết xấp tiền còn lại toàn là tờ có mệnh giá 500.000 đồng*), số tiền này K để một bên của ngăn tủ cùng với ngăn tủ mà K vừa để số tiền 17.120.000 đồng.

Sau khi nghe điện thoại xong, ông U định tính tiền lúa để trả cho ông Đ thì mới phát hiện số tiền 23.000.000 đồng để trên bàn đã bị mất, ông U lấy xe đi đến nhà gặp K và hỏi có lấy lộn tiền đã để trên bàn không, thì K nói không; sau đó ông U đi đến nhà ông G hỏi thì ông G cũng nói không có lấy nhầm; thấy vậy ông U đi về nhà, trên đường về ông U tiếp tục ghé nhà gặp K và nói “*Ông nói không lấy thì tôi đi trình báo cơ quan Công an*” và bỏ ra về. Về đến nhà ông U kiểm tra lại tiền thì đúng là mất số tiền 23.000.000 đồng nên đến Cơ quan Công an xã B trình báo sự việc.

Sau khi nhận được tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm đã tiến hành mời Trần Hoàng K làm việc thì K đã thừa nhận hành vi lấy trộm số tiền 23.000.000 đồng của ông U và đã giao nộp lại số tiền trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Hoàng K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trước khi thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, vì số tiền bị cáo lấy trộm đã được trả lại cho bị hại; trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế; được bị hại ông U làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Tại Cáo trạng số: 12/QĐ – KSĐT, ngày 01/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm để

xét xử các bị cáo Trần Hoàng K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm giữ nguyên quan điểm đã quyết định truy tố bị cáo K về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 33, 45; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; đồng thời áp dụng Điều 60 BLHS, tuyên phạt bị cáo K với mức án từ 06 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng, được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/9/2017. Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông U không yêu cầu bị cáo K bồi thường thiệt hại, không đặt ra xem xét. Về vật chứng vụ án: Số tiền 23.000.000 đồng Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại xong, bị hại không yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét.

- Bị cáo K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát như đã nêu trên, bị cáo đã làm sai, bị cáo đã hối hận, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại ông U không yêu cầu bị cáo K bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Khanh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

- **Về tố tụng:** Người làm chứng ông Lê Văn G, ông Nguyễn Văn Đ đều vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt những người này; việc vắng mặt của người này không gây cản trở cho việc xét xử, nên HĐXX căn cứ Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tiến hành xét xử vắng mặt những người vừa nêu trên.

- **Về nội dung:** Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hoàng K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Nên có đủ căn cứ xác định rằng vào khoảng 07 giờ ngày 19/3/2017, bị cáo Trần Hoàng K cùng với ông Lê Văn G và ông Nguyễn Văn Đ đi đến nhà ông Danh Thanh U, trú tại ấp V, xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng để lấy tiền bán lúa. Sau khi ông U trả tiền lúa cho ông G thì ông U tính tiền trả cho bị cáo K, tổng số tiền lúa mà ông U phải trả cho bị cáo K là 17.120.000 đồng; lúc này ông U lấy xấp tiền 40.000.000 đồng lên đếm ra 17.000.000 đồng cầm trên tay, còn lại 23.000.000 đồng để trên bàn đang ngồi tính tiền, sau đó ông U có điện thoại gọi đến, trong quá trình nói chuyện điện thoại ông U lấy thêm số tiền 120.000 đồng nữa bỏ vào số tiền 17.000.000 đồng là đủ 17.120.000 đồng và để trên bàn trả cho bị cáo K, để gần với xấp tiền 23.000.000 đồng, ông U vẫn nói chuyện điện thoại không để

ý quan sát đến xấp tiền 23.000.000 đồng đang để trên bàn. Bị cáo K lấy số tiền 17.120.000 đồng mà ông U đưa đem ra đếm, khi đếm xong thì bị cáo K lấy số tiền 17.120.000 đồng để lên trên xấp tiền 23.000.000 đồng của ông U đã để trên bàn, sau đó bị cáo K lấy toàn bộ số tiền trên bỏ vào túi quần dài đang mặc và đi về nhà. Sau đó, ông U đã trình báo cơ quan Công an và quá trình điều tra bị cáo K đã khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm số tiền 23.000.000 đồng của ông U. Như vậy, bị cáo K có hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Do đó, hành vi bị cáo K đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố.

Xét thấy, bị cáo K là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo có đầy đủ sức khỏe để lao động làm ăn chân chính nhằm tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình, nhưng bị cáo chỉ muốn hưởng thành quả lao động của người khác; mặt dù, bị cáo biết tài sản của người khác bị cáo không có quyền sở hữu nhưng bị cáo đã lợi dụng lúc sơ hở trong quá trình trong coi tài sản, thì bị cáo đã lén lút lấy trộm số tiền 23.000.000 đồng của ông U. Hành vi của bị cáo K đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây ra với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ; hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn góp phần gây mất ổn định và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, nên việc truy tố đưa bị cáo K ra xét xử nghiêm trước pháp luật là cần thiết; nhằm răn đe, giáo dục để bị cáo cải sửa bản thân trở thành công dân tốt, đồng thời để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trước khi thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, bị cáo không có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế; được người bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo K hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Ngoài ra, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật ở địa phương; có khả năng tự cải tạo, nên đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện áp dụng Điều 60 của BLHS. Do đó, HĐXX thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần tuyên mức án tù cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Đồng thời, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 33, 45; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS và áp dụng Điều 60 BLHS, tuyên phạt bị cáo K với mức án tù 06 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng, được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/9/2017. Giao bị

cáo Khanh cho Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm giám sát, giao dục trong thời gian thử thách. Xét thấy, đề nghị trên của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm là có căn cứ chấp nhận.

- **Về trách nhiệm Dân sự:** Người bị hại ông U không yêu cầu bị cáo K bồi thường thiệt hại, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

- **Về xử lý vật chứng:** Số tiền 23.000.000 đồng đã trả lại cho người bị hại ông U, ông U không có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

- **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Bị cáo K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và theo quy định tại khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Trần Hoàng K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 138, Điều 33, 45, điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2009*).

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng K 09 (*Chín*) tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (*Mười tám*) tháng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/9/2017. Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm giám sát, giao dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- **Về trách nhiệm Dân sự:** Người bị hại ông Danh Thanh U không yêu cầu bị cáo K bồi thường thiệt hại, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

- **Về xử lý vật chứng:** Số tiền 23.000.000 đồng đã trả lại cho người bị hại ông U, ông U không có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

- **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Hoàng K phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai, bị cáo, người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKS thị xã Ngã Năm;
- CA thị xã Ngã Năm;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn